TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Ngọc G, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 07B, ấp Tân Thuận B, xã TM, huyện LV, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1992. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Số 07B, ấp TT, xã TM, huyện LV, Đồng Tháp.

Địa chỉ: 143, ấp AT, xã MAHA, huyện LV, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2009 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị G trình bày:

Chị G và anh L tự nguyện cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Sống chung đến 2015 thì mâu thuẫn và xa nhau đến nay, nguyên nhân do không

hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh L không lo cho vợ con, thường xuyên đi chơi. Nay chị G yêu cầu ly hôn với anh L. Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Hiển, sinh ngày 14/01/2013 hiện do chị G nuôi dưỡng. Chị G yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/4/2019 anh L là bị đơn trình bày: Anh L thống nhất với chị G về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay anh L đồng ý ly hôn, đồng ý để chị G tiếp tục nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị G xin ly hôn với anh L đang sinh sống tại ấp AT, xã MAHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 28, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị G và anh L cưới nhau có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 26/8/2011 nên hôn nhân giữa chị G và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống có một con chung, lẽ ra chị G và anh L phải biết yêu thương, chia sẻ, thông cảm, tôn trọng nhau, cùng lo cuộc sống gia đình, đảm bảo cho con có được cuộc sống đầy đủ về vật chất cũng như cho con có được một gia đình hạnh phúc, hàng ngày được sống trong tình yêu thương, chăm sóc của cha, của mẹ. Tuy nhiên, chị G và anh L không làm được điều đó, khi xảy ra mâu thuẫn chị G và anh L không hàn gắn được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến sống xa nhau. Đến nay, chị G yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị G và anh L đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị G và anh L thống nhất có một con chung tên Nguyễn Minh Hiển, sinh ngày 14/01/2013, hiện con đang sống với chị G. Chị G và anh L thống nhất con chung sẽ do chị G nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị G và anh L xa nhau, chị G trực tiếp nuôi con, thời gian qua chị G đảm bảo điều kiện về kinh tế, tinh thần để nuôi dưỡng con, đến nay con vẫn phát triển bình thường.

Do đó, xét sự thỏa thuận này của G và anh L là phù hợp, Hội đồng xét xử công nhận.

Tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Anh L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị G và các thành viên trong gia đình không được cản trở, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung:

Chị G và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị G xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc G.

Chị Lê Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

Chị Lê Ngọc G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh Hiển, sinh ngày 14/01/2013, hiện con đang sống với chị Lê Ngọc G. Chị Lê Ngọc G không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Lê Ngọc G và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn L thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Chị Lê Ngọc G tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000125 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

4. Án xử công khai có mặt chị G, vắng mặt anh L. Báo cho chị G biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã MAHA
(giấy CNKH số 85 ngày 26/8/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên